

Bản án số: 13/2025/HS-ST
Ngày: 24 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuấn;
Ông Hoàng Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 99/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1990, tại Bắc Ninh; Nơi ĐKKHKT: Thôn NX, xã LC, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Vi Thị L, có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32 ngày 04/02/2016 của Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe người khác, đã nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

2. Vi Thị L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 4 năm 1995, tại Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: Thôn NX, xã LC, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T1 và bà Lo Thị T2; có chồng là Nguyễn Văn T, có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T:

Luật sư Tạ Văn P và Luật sư Giáp Thị T3- Công ty Luật Ánh sáng việt-
Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt ông P, vắng mặt bà T3)

Bị hại: Công ty TNHH Samsung Electronis Việt Nam Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Hà Huy T4 – Phó phòng an ninh
Công ty. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960. (vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Chí T5, sinh năm 1985. (vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Đều trú tại: Xóm NX, xã LC, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.
4. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1993. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm Đ, phường ĐC, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.
5. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xã Mẫn Xá, xã LC, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.
6. Anh Hoàng Thế H, sinh năm 1993. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm TH, xã HC, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.
7. Anh Trần Thế Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm TÂ, xã TL, huyện HH, tỉnh Thái Bình.
8. Anh Lương Hữu Bắc, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm PH, xã HT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh Đoàn Văn T3, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm TP, xã TH, thị xã T1H1, tỉnh Nghệ An.
10. Anh Dương Minh A, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm DL, xã DT, huyện KM, tỉnh Hải Dương.
11. Anh Tạ Văn H3, sinh năm 1987. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã HC, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.
12. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1993. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm CL, phường ĐC, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.
13. Anh Trần Mạnh C3, sinh năm 1977. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Số 146, TND, phường TTX, thành phố Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2016, Nguyễn Văn T đã cùng các đồng phạm thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của Công ty TNHH Samsung Electronics, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 3 năm 2016, Nguyễn Văn T6 gặp Nguyễn Văn Đ đặt vấn đề với Đ về việc cùng trộm cắp tài sản là điện thoại di động từ trong Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên (SEVT) để bán kiếm lời. Theo thỏa thuận, Đ tìm người trộm cắp tài sản ra khỏi xưởng, T3 sẽ cho người vào trong nhà máy mang tài sản trộm cắp được ra ngoài. T3 rủ

Nguyễn Văn T cùng tham gia trộm cắp, T đồng ý. Qua sự giới thiệu của Nguyễn Văn D, Đ và T3 gặp Dương Minh A là công nhân Công ty TNHH Suntech Việt Nam, trụ sở tại khu I, phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đang thi công tại Công ty SEVT và nhờ A cho mượn thẻ khách của A để vào Công ty SEVT nhưng A không cho mượn vì biết mục đích mượn thẻ để vào Công ty SEVT trộm cắp tài sản. Sau đó, Đ nhờ người quen là Tạ Văn H3 tìm người là công nhân Công ty SEVT có thể trộm cắp được màn hình điện thoại Samsung để Đ mua lại, H2 đồng ý.

Khoảng cuối tháng 6 năm 2016, H2 gặp và rủ Đoàn Văn T3 là công nhân Công ty SEVT tham gia trộm cắp tài sản trong Công ty SEVT. Ngày 01/07/2016, Đ, H2, T2 gặp nhau tại quán nước gần Công ty SEVT bàn và thống nhất T2 trộm cắp màn hình điện thoại Samsung mang ra khỏi xưởng, Đ sẽ cho người vào trong nhà máy vận chuyển tài sản trộm cắp được ra ngoài, Đ trả cho T2 650.000đ/01 màn hình điện thoại. Đ gọi điện thông báo cho T3 biết để chuẩn bị cho người vào vận chuyển tài sản trộm cắp được ra ngoài, T3 và Đ thỏa thuận T3 trả cho Đ 900.000đ/01 màn hình điện thoại. T3 rủ Nguyễn Văn L2 cùng tham gia để L2 vận chuyển tài sản trộm cắp được từ xưởng ra sân của Công ty giao cho lái xe ô tô. T3 thỏa thuận sẽ trả công cho L2 là 400.000đ/01 màn hình điện thoại, L2 đồng ý và bảo T3 điện thoại cho A bảo A cho mượn thẻ khách của A. T3 điện thoại cho A hỏi mượn thẻ để vào Công ty SEVT trộm cắp tài sản thì lần này A đồng ý cho mượn. T3 bảo T tìm lái xe để vận chuyển tài sản trộm cắp được ra ngoài giao cho T3 và T, tiền công trả cho lái xe là 450.000đ/01 màn hình điện thoại. Trước khi thực hiện các đối tượng đều thống nhất sử dụng “sim rác” để liên lạc nhằm che giấu hành vi phạm tội.

Khoảng 17 giờ ngày 02/7/2016, T2 đi một mình qua cửa từ số 7 vào xưởng SUB (linh kiện) để trộm cắp màn hình điện thoại. T2 đến vị trí kho tàng lửng (tầng 1,5) trộm 07 thùng carton đựng màn hình điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge, mỗi thùng đựng 112 chiếc màn hình điện thoại, tổng cộng 07 thùng là 784 chiếc màn hình điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge. T2 đặt 07 thùng carton này lên xe đẩy rồi đẩy vào thang máy di chuyển xuống tầng 1 của xưởng SUB để ở line (dây chuyền sản xuất) số 55 nhưng T2 thấy có người làm việc nên gọi điện thoại cho H2 báo không thể mang màn hình điện thoại ra ngoài và hẹn hôm sau thực hiện tiếp. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03/7/2016, T2 gọi cho H2 báo H2 thông báo cho Đ để cho người vào lấy 784 chiếc màn hình điện thoại, H2 nói sẽ có người vào và sau đó cho Đ số điện thoại của T2. Khoảng 09 giờ ngày 03/07/2016, L2 gặp A mượn áo và thẻ ra vào Công ty SEVT, khi vào trong, L2 gọi cho T3 thông báo số điện thoại và báo cho T3 biết L2 đã vào trong Công ty SEVT. T3 bảo T gọi cho lái xe bảo vào trong nhà máy vận chuyển tài sản trộm cắp được ra và bảo T nhắn tin số điện thoại của L2 cho Đ. Đ cho L2 số điện thoại của T2 để L2 liên lạc nhận màn hình điện thoại. Khi có được số điện thoại của T2, L2 gọi cho T2 báo nơi giao tài sản trộm cắp được. T2 vận chuyển 02 túi nylon chứa 784 màn hình điện thoại đến xưởng CNC ở giữa khu vực hai máy BA4-R13 và BA4-R14 giao cho L2. Sau khi giao xong, T2 tháo sim điện thoại bẻ nát và vứt bỏ điện thoại Nokia 1280 vào xe rác

gần xưởng SUB và đi về. L2 tiếp tục vận chuyển 784 màn hình điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge ra ngoài sân để giao cho 01 người nam giới (người này do T gọi theo chỉ đạo của T3, đến nay không xác định được lai lịch) lái xe vận chuyển ra ngoài Công ty SEVT.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, T3 và T nhận 784 màn hình điện thoại từ người nam giới lái xe rồi vận chuyển về nhà T3 kiểm tra màn hình điện thoại. T3 gọi điện cho một người phụ nữ tên Thủy ở thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bảo Thủy gọi người Trung Quốc tên là A Phong đến để kiểm tra và mua màn hình điện thoại. Khi Thủy cùng A Phong đến, T3, T, Thủy bóc giấy bọc ngoài của màn hình điện thoại để A Phong kiểm tra. A Phong trả 2.100.000đ một màn hình điện thoại, tổng cộng là 1.646.000.000đ, A Phong trả cho T3 1.600.000.000đ. Số tiền này T3 đưa cho Đ 500.000.000đ, đưa cho L2 300.000.000đ, đưa cho T 350.000.000đ để T trả cho người nam giới lái xe, T3 bảo L2 trả lại áo và thẻ ra vào Công ty SEVT cho A và cho A 2.000.000đ, số tiền còn lại T3 cầm tiêu sài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KLĐG, ngày 08/7/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Phổ Yên, kết luận 784 màn hình điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge trị giá 1.318.290.512 đồng.

Vụ thứ hai: Hoàng Thế H là công nhân bộ phận SUB thuộc tầng 1 tòa nhà Mobile Công ty SEVT, ngày 05/9/2016, Hoàng Thế H đã trộm cắp được 293 màn hình LCD điện thoại nhãn hiệu Samsung cho vào 02 túi vải (loại túi dùng để đựng rác trong xưởng) đặt lên xe lưới. Hưng rủ Nguyễn Văn L2 là người làm cùng bộ phận cùng tham gia việc vận chuyển tài sản trộm cắp, Linh đồng ý. Khi Đ biết tin Hưng đã trộm cắp được màn hình điện thoại, Đ đã gọi điện cho T3 báo trong nhà máy có tài sản trộm cắp được, T3 điện thoại cho L2 bảo L2 vào nhà máy để vận chuyển tài sản trộm cắp được và dặn L2 “ông vào trong nhà máy nhắn tin số điện thoại cho tôi, Đ sẽ gửi số của người cấp hàng trong nhà máy, tôi sẽ nhắn số lái xe”, T3 bảo T gọi lái xe để vận chuyển tài sản trộm cắp. T gọi điện cho Trần Mạnh C3 bảo C2 vận chuyển tài sản trộm cắp được ra ngoài. Do C2 không còn lái xe ô tô ra vào Công ty SEVT được nên C2 gọi điện cho Lương Hữu Bắc là lái xe ô tô tải biển số 89C - 02604 cùng công ty, C2 bảo Bắc vào vận chuyển tài sản trộm cắp được ra ngoài, C2 sẽ trả công cho Bắc 10.000.000đ, Bắc đồng ý. C2 nhắn số điện thoại của Bắc cho T biết để liên lạc.

L2 đã gặp người quen là Trần Thế Q công nhân Công ty Deashin đang thi công trong Công ty SEVT mượn thẻ, áo và mũ bảo hộ lao động vào Công ty SEVT để mang màn hình điện thoại trộm cắp được vận chuyển ra ngoài. Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, sau khi vào trong nhà máy, L2 gọi điện thông báo cho T3 biết đã vào bên trong. Trước đó, T3 đã giao cho T chỉ đạo việc thực hiện trộm cắp tài sản nên T nhắn tin số điện thoại của Bắc cho L2, nhắn số của L2 cho Đ để Đ nhắn số Hưng cho L2. L2 gọi điện cho Hưng thống nhất địa điểm giao tài sản trộm cắp được. Hưng và Linh đẩy xe vận chuyển tài sản trộm cắp được giao cho L2. Tại khu vực thang máy gần cửa từ số 5 trong Công ty SEVT, lợi dụng lúc vắng người, camera không theo dõi, Hưng đã giao cho L2 các bó màn hình điện

thoại trên và L2 cho vào trong balô mang theo. Sau đó, Hưng và Linh về làm việc như bình thường. L2 đeo ba lô đi qua nhiều bộ phận đến khu vực trước cửa nhà ăn số 2 và giao balô chứa 293 màn hình LCD điện thoại Samsung cho Lương Hữu Bắc để Bắc tiếp tục vận chuyển ra ngoài. Bắc mở balô lấy các bó màn hình ra và cất giấu vào bên trong ghế phụ xe ô tô 89C-02604. Khi Bắc điều khiển xe ô tô đi về hướng cổng số 2 thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên và Phòng An ninh Công ty SEVT dừng xe kiểm tra và phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2941/STC-QLG, ngày 07/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên, kết luận 293 màn hình LCD điện thoại nhãn hiệu Sam Sung, trị giá 501.293.776 đồng.

Sau khi xảy ra sự việc, Nguyễn Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 27/5/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra đã bắt giữ được bị cáo Nguyễn Văn T khi đang lẩn trốn tại huyện QH, tỉnh Nghệ An. Sau khi bắt được bị cáo, Cơ quan điều tra đã phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can để Tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra từ khi ra quyết định truy nã đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã nhiều lần kêu gọi T ra đầu thú và lập biên bản vận động gia đình động viên T ra đầu thú để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Trong các buổi làm việc, Vi Thị L đều có mặt và ký xác nhận vào biên bản vận động và được giải thích trong trường hợp cố tình che giấu T sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, tuy nhiên Vi Thị L vẫn cố tình thực hiện hành vi che giấu Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định trong thời gian bỏ trốn, Loan đã mở tài khoản ngân hàng Techcombank số 6355689999 mang tên VI THI LOAN để cho T sử dụng, ngoài ra T còn sử dụng số tài khoản ngân hàng Viettinbank số 107876030184 mang tên NGUYEN VAN HIEU. Trong khoảng thời gian T bỏ trốn thì Loan nhiều lần sử dụng số tài khoản ngân hàng Mbbank số 8989815041995 chuyển tiền đến 02 số tài khoản ngân hàng trên của T để T chi tiêu cá nhân, phục vụ việc trốn truy nã. Mặt khác, trong quá trình trốn truy nã T và Loan có 01 con chung sinh ngày 19/6/2022 và mang thai 01 con (đến ngày 13/7/2024 sinh).

Về trách nhiệm dân sự. Đã được giải quyết tại Bản án số 42/2018/HSST ngày 31/8/2018. Đại diện theo ủy quyền của Công ty không yêu cầu T phải bồi thường và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T và Vi Thị L đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 124/CT - VKSTN - P2, ngày 22/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Vi Thị L về tội “Che giấu tội phạm”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Vi Thị L phạm tội “Che giấu tội phạm”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 13 đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vi Thị L từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về bồi thường thiệt hại: Đã được giải quyết tại bản án số 42/2018/HSST ngày 31/8/2018; đại diện của bị hại không yêu cầu T phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Flip3 của Nguyễn Văn T để đảm bảo thi hành án.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 13 năm tù.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm sau khi đối đáp với ý kiến của Luật sư.

Lời nói sau cùng, bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về. Bị cáo Loan đề nghị được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo,

Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người Tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 02 và 03 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn Đ, Tạ Văn H3, Đoàn Văn T3, Nguyễn Văn L2 và Dương Minh A đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm 784 chiếc màn hình điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy S7 Edge của Công ty TNHH Samsung có trị giá 1.318.290.512 đồng.

Đến ngày 05/9/2016, T cùng Hoàng Thế H, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L2, Trần Thế Q, Nguyễn Mạnh C2 và Lương Hữu Bắc tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 293 màn hình LCD điện thoại nhãn hiệu Samsung Công ty TNHH Samsung có trị giá 501.293.776 đồng.

Sau khi phát hiện Nguyễn Văn T bỏ trốn khỏi địa phương Cơ quan điều tra đã nhiều lần kêu gọi T ra đầu thú và lập biên bản vận động gia đình động viên T ra đầu thú. Trong các buổi làm việc Loan đều có mặt và ký xác nhận vào biên bản vận động và được giải thích pháp luật. Tuy nhiên, Loan vẫn cố tình thực hiện hành vi che giấu T và nhiều lần chuyển tiền cho T để T chi tiêu cá nhân và có 02 con chung với nhau trong thời gian T bỏ trốn.

Đối với: Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn Đ, Đoàn Văn T3, Nguyễn Văn L2, Hoàng Thế H, Tạ Văn H3, Nguyễn Văn L2, Lương Hữu Bắc, Dương Minh A, Trần Thế Q, Trần Mạnh C3 và đã được giải quyết tại bản án số 42/2018/HSST ngày 31/8/2018 của TAND tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Vi Thị L về tội: “*Che giấu tội phạm*”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung các Điều luật quy định như sau:

Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên”;

Điều 389 BLHS quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.

c)....Điều 173...”

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi của bị cáo Loan là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo Loan xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo Loan có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, nên các cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Loan là phụ nữ có thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Toàn phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo Loan không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trong vụ án này, bị cáo Loan chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, đang nuôi con còn nhỏ nên khi xem xét quyết định hình phạt thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc con còn nhỏ, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, các đề nghị khác của Luật sư Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 42/2018/HSST ngày 31/8/2018; đại diện của bị hại không yêu cầu T phải bồi thường khoản tiền nào khác nên không xem xét.

[7]. Vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Flip3 thu giữ của bị cáo liên quan đến vụ án cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8]. Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Trong vụ án này: Có các đối tượng Nguyễn Văn T6, Đoàn Văn T3, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ, Hoàng Thế H, Tạ Văn H3, Nguyễn Văn L2, Lương Hữu Bắc, Trần Thế Q, Dương Minh A, Trần Mạnh C3 đã bị Toà án nhân

dân tỉnh Thái Nguyên xét xử tại Bản án số 42/2018/HSST ngày 31/8/2018 và bản án Phúc thẩm số 132/2019/HSPT ngày 19/3/2019.

Đối với người nam giới lái xe vận chuyển 784 màn hình điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge trộm cắp được từ trong Công ty Samsung để vận chuyển ra ngoài công ty, ngày 03/07/2016, Cơ quan điều tra không có thông tin để xác minh, làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Vi Thị L phạm tội: “*Che giấu tội phạm*”.

I. Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Thị L: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vi Thị L cho UBND xã LC, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

II. Vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Flip3 5G; số IMEL: 3550011763269767, gắn sim số 0374895651; được niêm phong trong bì niêm phong theo quy định.

Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 18 ngày 12/11/2024 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

III. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Vi Thị L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuấn

